TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-PT
Ngày: 22/01/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Bà Đào Nữ Ngọc Lan và ông Phạm Tấn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 319/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 348/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 361/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 160/TB.TA ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Hùng T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số A khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc H (Tám Điểm), sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số A khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3.2. Công ty TNHH MTV P; địa chỉ: Số C đường P, ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.TN: Ông Nguyễn Thành Công T1, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ G, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn

bản ủy quyền ngày 09/6/2023 của Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.TN) (vắng mặt).

3.3. Ông Tân Văn C, sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

3.4. Ông Huỳnh Lý Minh L, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.5. Ông Đặng Văn N, sinh năm 1987; nơi cư trú: Làng A, thành phố P, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lương Hùng T trình bày*: Do đi xây dựng chung nên ông HYPERLINK \l "link"\o "Họ và Tên: Trương thông qua"T thông qua biết đã nhận thi công công trình xây dựng nhà của bà H. Khi đó ông N là thầu xây dựng nhà của bà H. Ông T đã liên hệ và hẹn gặp ông N trao đổi và thỏa thuận ông T đưa người vào làm nhà dang dở của bà H. Tiền công đã trả thợ chính 380.000đồng/ngày (8 giờ), phụ hồ 270.000 đồng/ngày. Ngay hôm sau, ông T cho 12 người (7 thợ chính, trong đó có ông T và 5 thợ phụ). Ông T làm được 04 ngày thì ngưng vì có thông tin ông N thiếu nợ tiền công nhiều dẫn đến việc thi công nhà dang dở. Sau đó, ông N có liên hệ ông T hỏi lý do vì sao không tiếp tục thi công thì ông T trả lời do ông N không trả tiền công 03 ngày. Khoảng 02 ngày sau, ông T đến gặp trực tiếp bà H (chủ đầu tư) để trao đổi thì bà H đồng ý để ông T làm công trình nhà ở còn dang dở với giá thỏa thuận tiền công 250.000.000 đồng cho đến khi hoàn thành nhà của bà H. Ông T tự thuê thợ. Vật tư xây dựng là của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.TN cung cấp có sẵn trước đó và có phát sinh mua thêm do bà H mua. Do đó, ông T yêu cầu bà H trả cho ông T số tiền thi công nhà là 250.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Ngọc H trình bày:* Do có nhu cầu về nhà ở, bà H có thuê Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.TN (sau đây được viết tắt là Công ty) thực hiện trọn gói bao gồm thiết kế bảng vẽ, xây dựng căn nhà trên diện tích đất của bà H. Hai bên có lập hợp đồng ngày 17/8/2022. Thời hạn Công ty P.TN xây dựng, bàn giao nhà cho bà H là 4,5 tháng. Trong quá trình xây dựng, bà H chỉ đến để trông coi nhà chứ không có ý kiến về tiến độ thi công. Do bà H vi phạm hợp đồng nên Công ty cùng bà H thống nhất thanh lý hợp đồng. Khi Công ty T6 hợp đồng, có nhiều hạng mục chưa hoàn thành. Bà H đã thuê một số thợ, trong đó có ông T, tiếp tục xây dựng và đã trả đủ tiền công. Bà H không nợ tiền của ông T. Chữ ký tên trên giấy viết tay với nội dung xác nhận T có làm nhà cô 8 Điểm là chữ ký của bà H. Tuy nhiên, bà H chỉ ký xác nhận ông T có làm nhà của bà H, còn làm chi tiết như thế nào thì bà H không rõ. Khi làm xong nhà của bà H, ông T cho rằng không được Công ty trả tiền nên nhờ bà H xác nhận ông T có xây dựng một

số hạng mục bên trong căn nhà để ông T đòi tiền Công ty. Bà H không ký kết hợp đồng xây dựng với ông T. Do đó, bà H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim D trình bày ý kiến:* Bà là vợ của ông Lương Hùng T, bà thống nhất với ý kiến của ông Lương Hùng T.

** Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.TN do ông Nguyễn Thành Công T1 là người đại diện hợp pháp trình bày ý kiến:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.TN gọi tắt là Công ty chuyên xây dựng nhà ở, công trình với mô hình chìa khóa trao tay. Thông qua kênh xã hội bà H tìm đến và trao đổi với Công ty về nhu cầu nhà ở đã gửi gấm niềm tin tại Công ty. Qua nhiều lần thương lượng vào ngày 17/8/2022 giữa Công ty và bà H đã ký kết hợp đồng thi công xây dựng cụ thể là căn nhà cho bà H. Với tổng chi phí là 1.510.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng Công ty có giao khoán nhân công cho ông Tân Văn C với giá 290.000.000 đồng cho toàn bộ công xây dựng căn nhà. Công ty tự cung cấp (01 phần của địa phương là vật liệu tại cửa hàng U và 01 phần cửa hàng tại Cần Thơ). Sau khi công đoàn vào thi công khoảng 1.5 tháng đến hạng mục đổ sàn pê tông của tầng lầu của công trình chính thì chủ đầu tư (bà H) tự ý cho nhân công làm mái của nhà vệ sinh vì theo như hợp đồng mái nhà vệ sinh là lợp tol (bà H tự ý cho nhân công đổ pê tông) ngoài ra còn phát sinh sân rào (trong hợp đồng không có hạng mục này). Sau khi phát hiện sự việc Công ty đã thông tin lại bà H và đưa ra 02 phương án:

Thứ nhất: Công ty D1 thi công đến khi nào bà H xây xong sân rào Công ty sẽ tiếp tục xây dựng.

Thứ 2: Bà H phải dừng lại công trình phụ để Công ty thi công xong theo hợp đồng sau đó bà H xây công trình phụ.

Bà H thống nhất chốt lại phương án 2. Sau đó Công ty tiếp tục thi công thì bà H lại phát sinh thêm công trình phụ, cụ thể là tô trần tầng trệt, làm nhà mát trên nóc nhà vệ sinh (trong hợp đồng không có hạng mục này). Sự việc này được Công ty P1 và Công ty thông tin lại ông C cho nhân công dừng thi công, ông C thông tin lại bà H, bà H yêu cầu nhân công tiếp tục làm. Công ty vẫn tiếp tục thi công cho xong công trình Công ty cho đội thi công của Công ty X làm đá hoa cương và đóng trần thạch cao thì phát sinh sự việc bà H không đồng ý cho đội làm. Vì bà H đã thuê đơn vị khác thi công. Công ty tiếp tục liên hệ với bà H nhưng không chốt lại được phương án nào dẫn đến việc thanh lý hợp đồng, theo nhưng thỏa thuận thì số tiền theo hợp đồng sẽ thanh toán 06 lần. Tuy nhiên đã thanh lý hợp đồng do lỗi vi phạm của bà H. Nên bà H chỉ thanh toán cho Công ty T7 là 1.120.500.000 đồng/1.510.000.000 đồng (trong đó chi phí phát sinh là 40.500.000 đồng ép cọc). Theo như hợp đồng thì bà H chỉ mới thanh toán được số 1.080.000.000 đồng. Nếu tiếp tục thi công thì bà H còn phải thanh toán thêm cho Công ty là 458.881.200 đồng (bao gồm chi phí phát sinh Công ty đã thực hiện). Sau khi Công ty G2 công thợ cho ông C, ông C có giao lại cho ông N làm

cai (ông N làm thuê cho ông C để quản lý công thợ). Ông L đã từng gặp vào ngày 11/01/2023 khi ông L đại diện cho Công ty Đ2 ký hợp đồng thanh lý với bà H gặp ông T. Ông T gặp và nói ông L ông T làm công cho ông N công trình nhà ở còn dang dở với giá khoán với giá bao nhiêu thì Công ty không rõ. Thông báo cho Công ty để nhờ Công ty hỗ trợ gặp ông N để nhận tiền công. Công ty không thuê ông T nên việc ông T yêu cầu bà H trả tiền công thì Công ty không biết và không có trách nhiệm gì.

** Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Lý Minh L trình bày:* Ông L xác định ông L chỉ giám sát công trình xây dựng nhà của bà H, ông L là người thuê nhân công (giao khoán cho ông C) sự việc ông C có thuê ông T hay không ông L không biết và ông L cũng không biết ông T cho đến ngày thanh lý hợp đồng với bà H ông L mới biết mặt ông T. Nội dung ông T liên hệ ông L cũng chỉ nhờ hỗ trợ tìm ông N đòi tiền công, còn số tiền bao nhiêu ông L không rõ. Càng không rõ việc bà H có tự thuê ông T hay không.

** Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tân Văn C trình bày*, ông T1, ông L là cấp trên của ông C (làm chung Công ty), ông C không quen biết gì đối với bà H, khi Công ty hợp đồng xây dựng nhà ở bà H. Tại thời điểm đó Công ty giao cho ông C quản lý nhiều căn nhà, nên căn nhà bà H ông C giao lại cho Nam quản lý thợ xây dựng, ông C chỉ giám sát qua hình ảnh chứ không rõ có bao nhiêu người thợ và không rõ có ông T tham gia xây dựng nhà của bà H ngay thời điểm thi công hay không. Cho đến khi Công ty thông báo ngưng thi công do thanh lý hợp đồng với bà H. Công ty thông báo cho ông C và ông C thông báo lại cho N để ngưng thi công. Khi ngưng thi công nhà ở xây dựng đã xong phần thô, còn lại điện, lát gạch, pê, sơn. Sau khi thanh lý hợp đồng ông C không đến công trình cho đến nay. Trong quá trình thi công ông C không đến công trình, do đã bàn giao cho N, nên N có nghĩa vụ báo cáo tiến độ cho ông C để ông C thông báo về Công ty. Sau khi thanh lý hợp đồng với bà H, ông C có liên hệ với ông T để đi làm công trình khác thì được ông T thông tin lại đang tiếp tục thi công nhà của bà H cho xong nên không cùng ông C đi xây dựng công trình khác, ông C xác định thời điểm thanh lý hợp đồng cho đến khi nhà hoàn thành, Công ty không tiếp tục thi công mà là cá nhân ông T thi C3, thi công giá và thỏa thuận như thế nào với bà H thì ông C không rõ.* *Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn N trình bày:* Giữa ông N và Công ty không có mối quan hệ quen biết gì với nhau, giữa ông N và ông C có mối quan hệ quen biết vào năm 2016 ông C và ông N đều làm bên lĩnh vực xây dựng, khi nào ông C có công trình sẽ thuê mướn ông N trông coi công trình và thợ. Đến năm 2022 ông C có thuê khoán cho ông N xây dựng nhà ở cho bà H (thợ hồ và phụ hồ cũng ông N chủ động gọi), xây dựng theo bảng vẽ đã thiết kế sẵn. Chỉ công, còn vật liệu đã có Công ty cung cấp. Thời gian để hoàn thành là 03 tháng, kể từ thời điểm khởi công, ông N không nhớ thời gian, thời điểm đó thợ chính và thợ phụ số lượng dao động không nhớ cụ thể, tiền công cho toàn bộ nhà ở là 290.000.000 đồng. Ông C có giao cho ông N số tiền trả công thợ, ông N

không nhớ rõ, nhưng ông N không có tranh chấp gì đối với tiền đã nhận của ông C và đã trả cho công thợ, lúc đó ông T chưa làm chung với ông N. Do ông N dự trù công trình không kịp tiến độ bàn giao, nên ông N thông qua quen biết có người giới thiệu ông Lương Hùng T cho ông N, ông N đồng ý thuê ông T thêm khoảng 14 người bên ông T (ông N chỉ thuê ông T còn phần dân công của ông T thì ông T tự thuê), thuê ông Trương V giá theo ngày của từng người, ông N làm chung ông Trương khoảng 07 ngày, ông T và thợ ông T làm chứ ông N không trực tiếp làm. Kết thúc mỗi tuần sẽ thanh toán 01 lần, do ông N trả mà không đủ tiền nên ông T và thợ ngưng không tiếp tục thi công. Khi ông T ngưng vì lý do ông N không trả tiền công đầy đủ cùng thời điểm đó, ông C thông báo với ông N ngưng không xây dựng tiếp vì lý do giữa bà H và Công ty chấm dứt hợp đồng, nên ông N báo với ông T ngưng. Tại thời điểm ngưng thi công nhà bà H chỉ mới phần thô, còn dang dở, so với bảng vẽ công trình chỉ mới hoàn thành 60%. Sau đó ông T và đội của ông T vẫn tiếp tục thi công phần còn lại cho bà H, vì bà H đã thanh lý hợp đồng với Công ty thì Công ty và cả ông C, ông N đều không tiếp tục thi công, bà H mới thuê ông T tiếp tục thi công phần còn lại. Trong thời gian còn đang thi công, ông T vẫn còn đang làm nhà cho bà H, ông N không nhớ lúc đó ông Trương hay bà H yêu cầu ông N đến trao đổi và ký tên trên giấy của ông T và bà H. Giấy biên nhận do ông T viết để bà H ký xác nhận là ông T làm phần còn lại của nhà bà H với tiền công 250.000.000 đồng (trả hay chưa, hay trả bao nhiêu ông N không được biết). Lý do ông N ký tên và số tài khoản ông N có trên giấy là do, nếu bà H trả tiền mặt cho ông T thì ông Trương nhận còn chuyển khoản thì chuyển nhờ vào số tài khoản của ông N, ông N sẽ rút và giao cho ông T (vì ông T không có sử dụng tài khoản Ngân hàng). Thời điểm đó ông N tham gia chỉ với tư cách người làm chứng, vì Công ty và bà H chấm dứt hợp đồng với nhau, ông N là người thuê ông T trước đó, không chứng kiến việc bà H thuê ông T xây dựng phần còn dang dở.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C tuyên xử:*Căn cứ các Điều 147, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 404, Điều 422, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518, Điều 519 và Điều 520 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 107, Điều 113, Điều 124, Điều 125 của Luật xây dựng năm 2014 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Hùng T về tranh chấp hợp đồng xây dựng đối với bà Lê Thị Ngọc H (T). Buộc bà Lê Thị Ngọc H (T), có nghĩa vụ trả cho ông Lương Hùng T số tiền xây dựng còn nợ là 250.000.000 đồng *(hai trăm năm mươi triệu đồng)*. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 5 năm 2024, bị đơn bà Lê Thị Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc H trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm vì bà đã thanh toán xong các khoản tiền cho ông T.

Nguyên đơn ông Lương Hùng T trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bị đơn trả cho ông số tiền thi công nhà là 250.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim D trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T5.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, buộc bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Lương Hùng T số tiền xây dựng còn nợ là 232.000.000 đồng; các phần còn lại của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn bà Lê Thị Ngọc H kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về căn cứ xác lập và thực hiện hợp đồng: Do nhu cầu xây dựng nhà ở, ngày 17/8/2022, giữa bà H với Công ty TNHH MTV P.TN có ký kết hợp đồng thi công nhà với hình thức chìa khóa trao tay, tổng giá trị công trình là 1.510.000.000 đồng. Quá trình xây dựng, do bà H nhiều lần vi phạm; từ đó, hai bên thanh lý hợp đồng, bà H đã thanh toán được 1.120.500.000 đồng, chưa thanh toán 458.881.200 đồng; đồng thời Công ty sẽ không chịu trách nhiệm bảo hành và pháp lý đối với công trình nói trên. Sau khi Công ty ngừng thi công nhà;

bà H và ông Lương Hùng T đã thỏa thuận để ông T tiếp tục làm công trình nhà ở còn dang dở với số tiền 250.000.000 đồng, vật liệu xây dựng của Công ty TNHH MTV P.TN cung cấp có sẵn trước đó và có phát sinh mua thêm từ Cửa hàng vật liệu xây dựng Ú (vật liệu này do bà H mua).

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[4.1] Về phía nguyên đơn, ông T cho rằng đã thi công các hạng mục xây dựng là phòng ngủ 04 phòng, gắn cửa gỗ phòng ngủ, 03 nhà vệ sinh, xây tường sau hậu, đổ trụ nóc, đầu hồi nóc, để dè giáp vòng nóc, đổ máng xối, đổ cửa sổ, đổ trụ bồn nước, ngoài ra còn làm mới dán gạch, lát gạch, hai bên thỏa thuận tiền công là 250.000.000 đồng, kèm theo đơn khởi kiện, ông T cung cấp tờ xác nhận của bà H có nội dung *"Ông Lương Hùng T có nhận khoán phần xây hoàn thiện, sơn nước điện, phần kết cấu hoàn thiện, khoán gọn hết nhà giá 250.000.000 đồng, bà H có ký xác nhận ông Trương nhận làm nhà"*.

[4.2] Về phía bị đơn, bà H thừa nhận chữ ký tên trên giấy viết tay là chữ ký của bà nhưng mục đích để ông T đòi tiền Công ty TNHH MTV P.TN nên bà không đồng ý theo yêu cầu của ông T.

[4.3] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ lời trình bày của ông T1, ông L, ông C và ông N xác định tại thời điểm bà H và Công ty TNHH MTV P.TN thanh lý hợp đồng thì nhà bà H chỉ mới xây dựng được phần thô, còn dang dở, so với bảng vẽ công trình chỉ mới hoàn thành 60%. Như vậy, ông T đã trực tiếp thi công phần còn lại của căn nhà cho đến thời điểm bàn giao nhà cho bà H. Từ đó, có căn cứ xác định ông T đã thi công phần còn lại sau khi hợp đồng được thanh lý giữa công ty với bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng thừa nhận ông T có thi công một số phần còn lại của căn nhà chứ không phải toàn bộ như ông T đã trình bày nhưng bà đã thanh toán xong với số tiền là 230.000.000 đồng. Đồng thời, bà H cung cấp chứng cứ là 02 chứng từ (BL 354 – 355) liệt kê các khoản gồm các vật tư bà đã mua và số tiền thanh toán cho việc xây dựng ngoài hạng mục chính của căn nhà như: sân, tường, hàng rào xung quanh. Do đó, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán số tiền 250.000.000 đồng đã thỏa thuận theo tờ xác nhận hai bên đã ký kết là có căn cứ.

[4.4] Bà H kháng cáo yêu cầu hủy án nhưng không chứng minh được cấp sơ thẩm vi phạm về tố tụng lẫn nội dung. Mặt khác, bà H cũng không chứng minh được đã thanh toán số tiền 250.000.000 đồng đã giao khoán cho ông T xây dựng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, qua kiểm tra, đối chất các đương sự thống nhất phần xây dựng, lắp đặt đường ống nước, dây điện bà H đã thanh toán xong 18.000.000 đồng và ông T cũng đồng ý khấu trừ số tiền này. Do vậy, bà H chỉ có trách nhiệm thanh toán cho ông T tiền công xây dựng nhà với số tiền là 232.000.000 đồng.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc H; sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Lê Thị Ngọc H là người cao tuổi, có đơn yêu cầu nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 404, Điều 422, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518, Điều 519, Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 107, Điều 113, Điều 124, Điều 125 của Luật xây dựng năm 2014khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Hùng T về tranh chấp hợp đồng xây dựng đối với bà Lê Thị Ngọc H (T). Buộc bà Lê Thị Ngọc H (T), có nghĩa vụ trả cho ông Lương Hùng T số tiền xây dựng còn nợ là 232.000.000 đồng *(hai trăm ba mươi hai triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1. Dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc H là người cao tuổi và có đơn xin nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, tiền án phí.

Ông Lương Hùng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng *(sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0013417 ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

2.1. Dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Ngọc H là người cao tuổi và có đơn xin nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng;
- Đương sự "Để thi hành";
- Lưu Tòa Dân sự, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng